TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2023/DS-PT
Ngày 19 tháng 7 năm 2023
"V/v Tranh chấp đất rừng và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp đất rừng và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8112/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn:

1. Ông Phan Hữu T, sinh năm 1947; địa chỉ: Số G (nay là số nhà A), tổ F, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. Bà Lê Thị U, sinh năm 1957; vắng mặt.

3. Ông Phan Hữu Q, sinh năm 1968; có mặt.

4. Ông Phan Hữu T1, sinh năm 1972; vắng mặt.

Đều có địa chỉ tại: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1983; địa chỉ: K, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nhữ Sỹ V, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nhữ Thị H, sinh năm 1978; có mặt.

2. Ông Hồ Sỹ P, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ tại: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, Luật sư, Công ty L4, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

2. UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Công chức Tư pháp hộ tịch; có mặt.

3. Chị Nhữ Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

4. Chị Nhữ Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

5. Anh Nhữ Sỹ L1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

6. Chị Nhữ Thị V1, sinh năm 1983; địa chỉ: E, Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

7. Anh Nhữ Xuân V2, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, anh L1, anh V2 và chị V1: Chị Nhữ Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

8. Ông Phan Hữu T3 (chết năm 2008).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông T3:

8.1. Bà Lê Thị U, sinh năm 1957; vắng mặt.

8.2. Anh Phan Hữu H1, sinh năm 1982; vắng mặt.

8.3. Anh Phan Hữu K sinh năm 1985; vắng mặt.

8.4. Anh Phan Hữu C sinh năm 1992; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh H1, anh K, anh C: Ông Phan Hữu Q, sinh năm 1968; có mặt.

Đều có địa chỉ tại: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nhữ Sỹ V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai các đương sự và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Các đồng nguyên đơn ông Phan Văn T4, ông Phan Hữu N, ông Phan Hữu T1, bà Lê Thị U và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa năm 1991, Hợp tác xã H6, xã Q thanh lý vườn cây khu vực đất rừng Nghè Cao thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cho ông Phan Hữu T nhưng sau đó việc thanh lý không thành, vườn cây Nghè C1 bị người dân phá. Cuối năm 1991, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Q có Quyết định thu hồi vùng đất rừng Nghè Cao giao cho ông T quản lý, sử dụng. Giữa năm 1993, ông T đồng ý cho ông Nhữ Sỹ V cùng quản lý, sử dụng chung khu vực đất rừng trên.

Để được Nhà nước giao đất trồng rừng thì phải thành lập tổ trồng rừng và có phương án, kế hoạch thực hiện. Tổ trồng rừng được thành lập gồm có: ông Phan Hữu T, ông Phan Hữu T3, ông Phan Hữu Q, ông Phan Hữu T1, ông Nhữ Sỹ V, ông Võ Văn H2 và ông Nhữ Sỹ H3 do ông Nhữ Sỹ V làm Tổ trưởng.

Ngày 20/8/1994, ông Nhữ Sỹ V đại diện cho Tổ trồng rừng làm đơn xin nhận 6,5ha đất lâm nghiệp. Ngày 29/8/1994, UBND xã Q đã bút phê với nội dung "*Nhất trí cho nhận thầu đất vùng Nghè C. Xây dựng vườn rừng. Đề nghị UBND huyện cho nhận theo chủ trương"*. Ngày 06/9/1994, UBND huyện Q đã cấp Sổ Lâm bạ số 01 theo Quyết định số 26 về việc giao 6,5ha đất sản xuất kinh doanh lâm nghiệp khu vực Nghè Cao cho ông Nhữ Sỹ V.

Ngày 20/5/1998, Tổ liên doanh Nghè Cao tiến hành họp tổ củng cố xây dựng vườn rừng, giao trách nhiệm cho các tổ viên công tác trồng cây, bảo vệ, phân chia các vị trí quản lý, sử dụng đất rừng lâu dài của từng thành viên.

Từ năm 1998 đến nay các thành viên của Tổ liên doanh Nghè Cao đã thực hiện đúng theo các nội dung đã thống nhất tại văn bản họp ngày 20/5/1998 và từ năm 1994 đến nay, các gia đình nguyên đơn đang quản lý, sử dụng khoảng 27.000m^2 đất có cây cối đã trồng, tài sản đã xây dựng như hàng rào thép gai, làm giếng khoan, đặt bồn nước tại thửa đất trên.

Cuối năm 2020, các đồng nguyên đơn được biết ông Nhữ Sỹ V đã được UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CY 096959 ngày 03/12/2020 đối với toàn bộ diện tích đất trên của tổ (thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8 tại thôn D, xã Q, diện tích 53.316,2m^2) nên tiến hành khiếu nại.

Ngày 05/05/2021 UBND xã Q, huyện Q đã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai nhưng không thành nên các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

+ Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết xác định phần diện tích đất khoảng 27.000m^2**,** theo kết quả đo hiện trạng là 25.348,2m^2 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8 tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An các nguyên đơn đang quản lý, sử dụng theo hiện trạng là hợp pháp, buộc ông Nhữ Sỹ V phải tôn trọng.

+ Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tuyên hủy GCNQSDĐ số CY 096959 của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 03/12/2020 cho ông Nhữ Sỹ V tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8 tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn ông Nhữ Sỹ V, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Năm 1994 được biết Chính phủ ban hành Nghị định số 02/CP ngày 15/1/1994 quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ngày 20/8/1994, ông Nhữ Sỹ V làm đơn xin được nhận đất lâm nghiệp và đã được UBND xã Q xác nhận. Ngày 06/9/1994, UBND huyện Q đã cấp Sổ Lâm bạ (Quyết định 26) giao đất lâm nghiệp cho ông V với diện tích là 6,5ha. Sau khi được giao đất ông V có cho ông Phan Hữu T mượn đất trồng cây. Đến năm 1995, ông T đi miền N cho các em là Phan Hữu T3 có vợ là bà Lê Thị U, ông Phan Hữu Q và ông Phan Hữu T1 tiếp tục canh tác và bảo vệ. Tổng diện tích ông V cho mượn là khoảng 27.000 m^2 và 540m hàng rào. Ông T đã trồng cây Bạch Đàn khoảng 9.550m^2 đến nay đã thu hoạch 03 lần, còn khoảng 5.050 cây chưa thu hoạch, trên thửa đất có hành lang đường điện khoảng 12.320m^2, khoảng 2.198m^2 hiện đang trồng cỏ chăn nuôi.

Năm 2020, ông Nhữ Sỹ V đã lập hồ sơ và được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ số CY 096959, ngày 03/12/2020, đứng tên Nhữ Sỹ V, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064 với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất với diện tích 53.316,2m^2. Việc cấp GCNQSDĐ của ông V là đúng theo quy định của pháp luật theo Biên bản giải quyết tranh chấp ngày 08/7/2021 tại UBND xã Q. Ông V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng thời có các yêu cầu phản tố sau:

+ Đề nghị Tòa án buộc các đồng nguyên đơn trả lại diện tích đất khoảng 27.000 m^2 tại thửa đất 196, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cho ông Nhữ Sỹ V.

+ Đề nghị Tòa án buộc các đồng nguyên đơn phải tháo dỡ các công trình, các hạng mục đã xây dựng, phá bỏ hàng rào, thu hoạch hoa màu, các cây trồng trên thửa đất khoảng 27.000 m^2 (*theo kết quả thẩm định là 25.348,2m^2*) tại thửa đất 196, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An để trả lại diện tích đất nguyên trạng cho ông Nhữ Sỹ V.

- Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nhữ Thị L, Nhữ Thị H, Nhữ Thị V1, anh Nhữ Xuân V2 và anh Nhữ Sỹ L1 là các con của ông V và bà Vũ Thị L2 (chết năm 1999) trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn; bởi lẽ: Trước khi xảy ra tranh chấp họ chưa từng nghe bố (ông V) hỏi ý kiến ai trong hộ gia đình về biên bản họp tổ liên doanh Nghè Cao được ký ngày 20/5/1998. Thực tế ông V, đại diện hộ gia đình làm Đơn xin nhận đất ngày 20/8/1994 và đất được cấp cho hộ gia đình theo Nghị định 02/CP năm 1994. Biên bản họp tổ ngày 20/5/1998 là không hợp pháp do không có sự đồng ý của những người còn lại trong hộ gia đình.

Đề nghị Tòa án đưa chị L, chị H, chị V1 và anh V2, anh L1 là người có quyền, nghĩa vụ liên quan và bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp trong việc sử dụng đất đang tranh chấp trên.

- *UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An trình bày:* Tranh chấp giữa các bên thì UBND xã Q đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. UBND xã Q đề nghị các bên có phương án hòa giải để đảm bảo quyền lợi.

- *UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An trình bày:* Đề nghị căn cứ các tài liệu, hồ sơ thu thập được, ý kiến của những người liên quan để xem xét, quyết định.

- *Ông Võ Văn H2 trình bày:*

Ông có tham gia tổ trồng rừng gồm: ông V, ông T, ông X, ông T3, ông H3 và ông (H2) do ông V làm tổ trưởng. Ngày 20/5/1998 ông có tham gia cuộc họp của tổ có 7 thành viên với nội dung: quán triệt việc sử dụng đất đúng quy định, giao phần đất cho các thành viên sản suất và nạp thuế, phân công công tác làm bờ rào và bảo vệ. Kết thúc thống nhất và ông có ký vào biên bản. Quá trình sử dụng đất thì phần cây của ai trồng trên đất thì được bán, sử dụng. Sau này phần đất của ông bị hạn chế do đường dây điện cao thế đi qua nên ông đã nhận tiền bồi thường và không sản xuất nữa. Hiện nay ông T kiện ông V thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ông không còn quyền lợi trên đất tranh chấp, đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Bà Vũ Thị H4 trình bày:*

Chồng bà là ông Nhữ Sỹ H3 (chết năm 2007) có tham gia tổ trồng rừng do ông V làm tổ trưởng. Ngày 20/5/1998 ông H3 có đi họp tổ về nói lại: Tổ quán triệt việc sử dụng đất, phân công làm bờ rào và bảo vệ. Ông H3 được giao một phần đất để trồng cây, canh tác. Quá trình sử dụng đất thì phần cây của ai trồng trên đất thì được bán, sử dụng. Sau này phần đất của bà bị hạn chế do đường dây điện cao thế đi qua nên đã bán cây và không sản xuất nữa. Hiện nay ông T kiện ông V thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Bà và các con không liên quan đất tranh chấp, đề nghị không đưa bà và các con vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Kết quả thẩm định, định giá ngày 19/7/2022:*

+ Phần đất các đồng nguyên đơn đang sử dụng ở phía Nam thửa số 196 có diện tích: 24.515,4m^2. Phần đất phía Bắc thửa đất ông V đang sử dụng có diện tích 27.968m^2 trong đó có 832,8m^2 đất nông nghiệp ông Q đang sử dụng. Trên phần đất phía Nam có 3 khu lăng mộ của 3 họ, có cây Bạch Đàn các nguyên đơn trồng, giếng khoan, bồn nước, bờ rào thép gai có do nguyên đơn xây dựng, sử dụng, có trạm điện của xã. Trên đất phía Bắc có cây cối do ông V trồng.

+ Kết quả định giá: Giá đất: 53.316,2m^2 là 516.700.000đ (*97.000đ/1m^2*), cây Bạch Đàn loại 7 năm tuổi: 26.040.000đ, cây bạch đàn loại 2,5 tuổi: 12.879.000đ, hàng rào thép gai có cọc bê tông: 27.000.000đ, 1 giếng khoan 12.000.000đ, 1 bồn

nước có 4 trụ thép đỡ 4.500.000đ, lăng mộ, trạm biến áp, trụ điện, cột điện, các bụi tre rải rác xung quang không định giá.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ Điều 158, 160, 164, 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn: ông Phan Hữu T, ông Phan Hữu Q, ông Phan Hữu T1 và bà Lê Thị U về việc công nhận quyền sử dụng đất và hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Nhữ Sỹ V.

Hủy một phần Quyết định cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ số CY 096959, ngày 03/12/2020, diện tích 53.316,2m^2 *(Năm mươi ba nghìn ba trăm mười sáu phẩy hai mét vuông*) tại thửa đất 196, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cho ông Nhữ Sỹ V.

Giao cho ông Phan Hữu T, ông Phan Hữu Q, ông Phan Hữu T1 và bà Lê Thị U được quyền sử dụng: 25.348,2m^2 gồm 24515,4m^2 phía Đông Bắc hiện nay ông T, ông Q, ông T1 đang quản lý, sử dụng và 832,8m^2 đất vườn ươm hiện nay ông Q đang sử dụng tại thửa đất 196, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ thôn D, xã Q, huyện Q và được quyền sở hữu chung tài sản trên đất gồm: cây cối, giếng bơm, bồn nước, bờ rào thép gai trên phần đất được giao.

Phần đất được giao phía Đông Bắc có diện tích 24.515,4m^2 có tứ cận được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 485 và đường xóm (Bê tông).
- Phía Đông, phía Nam giáp đường xóm (Bê tông).
- Phía Tây giáp đất ông V.

Phần đất được giao phía Tây có diện tích 832,8m^2 (ông Q đang sử dụng) phía Tây giáp chỉ giới HLGT đường sắt; phía Bắc, phía Đ và phía Nam giáp đất ông V.

Diện tích đất giao cho ông T, ông Q, ông T1 và bà U có ký hiệu A1 và A2, ranh giới đất là các gạch nối đứt (---) tại sơ đồ do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q đo đạc lập ngày 17/8/2022 kèm theo Bản án.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2022, bà Nhữ Thị H và ông Hồ Sỹ P là những người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nhữ Sỹ V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ

thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nhờ Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông V được được UBND huyện Q thực hiện đúng quy định của pháp luật nên toàn bộ diện tích đất được UBND huyện Q công nhận trong GCNQSDĐ đã cấp cho ông V là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V. Biên bản họp tổ trồng rừng ngày 20/5/1998 không có giá trị pháp lý vì chỉ có 05 thành viên tham gia, tổ liên doanh không có tư cách pháp nhân và không có tài liệu nào của cơ quan có thẩm quyền thể hiện có thành lập tổ trồng rừng. Sổ Lâm bạ cấp cho ông V là chủ hộ, ông V3 ký biên bản ngày 20/5/1998 khi chưa có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là chưa hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị các đồng nguyên đơn phải tháo dỡ các công trình, các hạng mục đã xây dựng, phá bỏ hàng rào, thu hoạch hoa màu, các cây trồng trên thửa đất, trả lại diện tích đất khoảng 27.000m^2 (theo kết quả thẩm định là 25.348,2m^2) tại thửa đất 196 cho ông Nhữ Sỹ V nhưng không được bản án sơ thẩm xem xét, quyết định. Đề nghị Hội đồng xét xử, nếu có căn cứ thì sửa bản án sơ thẩm, bác các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu xét thấy bản án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn mà không thể khắc phục được thì đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Chị Nhữ Thị L nhất trí với trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- Đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn trình bày: Sổ Lâm bạ cấp cho Tổ trồng rừng, không phải cấp cho hộ gia đình ông V. Trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông V là trái pháp luật và chưa xác định đúng những người có quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nghĩa là đã bác yêu cầu của phía bị đơn nên việc bản án sơ thẩm có thiếu sót liên quan đến yêu cầu của bị đơn cũng không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của của bị đơn ông Nhữ Sỹ V do những người đại diện theo uỷ quyền làm là đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng

án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định và giao cho các nguyên đơn có quyền sử dụng một phần diện tích đất rừng và huỷ GCNQSDĐ do UBND huyện Q đã cấp cho ông Nhữ Sỹ V là có cơ sở. Bị đơn có yêu cầu các nguyên đơn phải trả lại đất, tháo dỡ các công trình, các hạng mục đã xây dựng, phá bỏ hàng rào, thu hoạch hoa màu, các cây trồng trên thửa đất khoảng 27.000m^2 (theo kết quả thẩm định là 25.348,2m^2) tại thửa đất 196 là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nhữ Sỹ V; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nhữ Sỹ V do những người đại diện theo uỷ quyền làm là đúng quy định pháp luật, đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt 02/4 nguyên đơn nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn; vắng mặt bị đơn có kháng cáo nhưng có mặt 01/02 người đại diện theo uỷ quyền; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nhữ Thị L có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02, trong đó có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất nên thuộc trường

hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của bị đơn ông Nhữ Sỹ V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, thể hiện: Tại Đơn xin nhận đất lâm nghiệp ngày 28/9/1994 của ông Nhữ Sỹ V ghi là đại diện tổ trồng rừng, Sổ lâm bạ do UBND huyện Q số 26 ngày 06/9/1994 giao đất cho gia đình ông, bà Nhữ Sỹ V - Tổ trưởng, Thông báo số 02 ngày 29/9/1994 của UBND xã Q có nội dung giao lại vùng đất Nghè cao cho ông Nhữ Sỹ V làm tổ trưởng và căn cứ vào Biên bản họp tổ liên doanh Nghè cao ngày 20/5/1998 do ông V là người trực tiếp viết biên bản thì toàn bộ diện tích đất 53.316,2m^2 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8, thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp trong GCNQSDĐ số CY 096959, ngày 03/12/2020 cho ông Nhữ Sỹ V là đất lâm nghiệp được giao cho các thành viên tổ trồng rừng quản lý, sử dụng, gồm: Ông V, ông H2, ông H3, ông T, ông Q, ông T3 và ông X, do ông V là tổ trưởng. Tại biên bản này các thành viên đã cùng thống nhất nội dung: Giao phần đất cho các thành viên có trách nhiệm sản xuất, kinh doanh, công tác bảo vệ được phân bổ: Rào ngoài từ gốc tre nhà anh L3 đến cuối rượng anh T3 giao cho 3 anh (T3, Q, T1) chịu trách nhiệm rào, bảo vệ và ngược lại giao cho 3 ông (V3, H2, H3). Phần đất nông nghiệp, những ai có cây gắn vào nông nghiệp để kết hợp nông, lâm. Phần đất cải tạo mới (ở vùng đất được giao) phấn đấu cải tạo lấy ngắn, nuôi dài. Phần cải tạo ở vườn ươm ông T và ông V làm trước đây giao lại cho ông V làm, canh tác. Sơ đồ đã giao theo thực địa theo địa hình như sơ bộ như trước đã giao (*có sơ đồ tại Biên bản)*. Biên bản có 05 người ký là ông V tổ trưởng, ông H2, ông H3, ông T và ông T3. Các đồng nguyên đơn đã thực hiện theo các nội dung ghi trong biên bản, tiến hành trồng cây, làm bờ rào bao quanh bằng cột bê tông, chăng dây thép gai, sử dụng đất ổn định từ trước đến nay, không có tranh chấp.

Kết quả thẩm định ngày 19/7/2022 do các đương sự thống nhất dẫn đạc cơ bản trùng với sơ đồ tại Biên bản ngày 20/5/1998 do ông V vẽ; phần đất các đồng nguyên đơn đang sử dụng ở phía Nam thửa số 196 có diện tích 24.515,4m^2; phần đất phía Bắc thửa đất ông V đang sử dụng có diện tích 27.968m^2.

Ông Võ Văn H2 là em vợ ông V thừa nhận có tham gia tổ trồng rừng, có tham gia họp và ký tên ngày 20/5/1998. Bà Lê Thị H5 là vợ ông Nhữ Sỹ H3 trình bày ông H3 có tham gia tổ trồng rừng do ông V làm tổ trưởng, có nhận đất để trồng cây, đã thu hoạch và được nhận đền bù khi đường điện đi qua.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ, thực trạng diện tích đất và người sử dụng đất, các tài sản trên đất, có căn cứ để xác định: Vùng đất Nghè Cao có địa chỉ tại xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Q giao cho

tổ trồng rừng có 07 thành viên, do ông V làm tổ trưởng cùng sử dụng và Lâm bạ được cấp cho ông Nhữ Sỹ V năm 1994 là với tư cách tổ trưởng tổ trồng rừng, không phải cấp cho cá nhân ông Nhữ Sỹ V. Do đó, việc UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An ban hành quyết định về việc cấp GCNQSDĐ và cấp GCNQSDĐ số CY 096959, ngày 03/12/2020, diện tích 53.316,2m^2 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8, thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cho ông Nhữ Sỹ V là cấp chưa đúng quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên thửa đất tranh chấp là của các đồng nguyên đơn, đồng thời huỷ một phần Quyết định cấp GCNQSDĐ và GCNQSDĐ số CY 096959, ngày 03/12/2020 của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nhữ Sỹ V, sử dụng diện tích đất 53.316,2m^2 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 8, thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 06/3/2022 bị đơn có đơn yêu cầu phản tố trước khi Toà án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải với nội dung: Yêu cầu các nguyên đơn phải trả lại đất, tháo dỡ các công trình, các hạng mục đã xây dựng, phá bỏ hàng rào, thu hoạch hoa màu, các cây trồng trên thửa đất khoảng 27.000m^2 (theo kết quả thẩm định là 25.348,2m^2) tại thửa đất 196 để trả lại diện tích đất nguyên trạng cho bị đơn nhưng Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án chỉ xem xét, đánh giá, nhận định trong bản án sơ thẩm mà không thụ lý yêu cầu phản tố để giải quyết là thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 200, 202 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn trong vụ án này là có cơ sở, được chấp nhận như đã phân tích tại mục [2.1], yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận; Toà án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm tố tụng nhưng không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; việc huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án với lý do vi phạm thủ tục tố tụng không làm thay đổi nội dung, bản chất vụ án nên không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2.3] Vi phạm, thiếu sót về tố tụng như đã đánh giá nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác xét xử.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nhữ Sỹ V; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Ông Nhữ Sỹ V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự

phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nhữ Sỹ V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nhữ Sỹ V.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng